

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: Định kỳ.

III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Báo cáo tài chính quý II năm 2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 7 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ký tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		250.739.962.158	208.456.687.733
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.492.093.732	22.514.405.476
Tiền	111		6.492.093.732	14.514.405.476
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		190.000.000.000	147.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		190.000.000.000	147.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.562.141.485	13.678.546.646
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5.330.139.105	6.707.874.263
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.056.198.201	4.901.245.600
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		6.122.859.854	7.084.482.458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.947.055.675)	(5.015.055.675)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.055.542.404	24.911.535.948
Hàng tồn kho	141		18.055.542.404	24.911.535.948
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.630.184.537	352.199.663
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.550.247.389	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		79.937.148	352.199.663
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.785.312.875	175.555.730.631
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.625.832.818	65.215.682.076
Tài sản cố định hữu hình	221		66.625.832.818	65.215.682.076
Nguyên giá	222		144.070.992.568	138.994.258.943
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.445.159.750)	(73.778.576.867)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.000.000)	(340.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.130.719.812	50.563.989.751
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.130.719.812	50.563.989.751
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.311.175.704	57.311.175.704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.811.175.704	26.811.175.704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	30.500.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.717.584.541	2.464.883.100
Chi phí trả trước dài hạn	261		5.616.805.520	2.350.504.079
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		100.779.021	114.379.021
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		405.525.275.033	384.012.418.364
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.199.290.571	39.317.847.778
I. Nợ ngắn hạn	310		15.901.309.904	22.317.847.778
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.159.392.352	753.451.848
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		772.261.000	632.600.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2.011.404.889	56.859.071
Phải trả người lao động	314		2.447.799.573	8.196.858.887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		122.290.000	149.410.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.760.943.621	2.398.861.151
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		6.627.218.469	10.129.806.821
Quỹ bình ỗ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		22.297.980.667	17.000.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		22.297.980.667	17.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		367.325.984.462	344.694.570.586
I. Vốn chủ sở hữu	410		367.325.984.462	344.694.570.586
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95.474.011.654	95.474.011.654
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.351.972.808	56.720.558.932
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.720.558.932	1.822.474.106
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.631.413.876	54.898.084.826
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-

3500
CÔNG
CỔ P
CAO
THỐNG
T. B

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		405.525.276.033	384.012.418.364


TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 14 tháng 07 năm 2021

0042
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU
THÔNG NHẤT
BÀ RI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Năm nay		Năm trước		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	VND	Năm nay	VND	Năm trước	VND	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,432,719,325		17,448,108,567		26,334,059,028		29,710,575,577	
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-		-		-		-	
10	Doanh thu thuần	11,432,719,325		17,448,108,567		26,334,059,028		29,710,575,577	
11	Giá vốn hàng bán	9,597,286,181		18,050,716,212		21,280,022,688		28,834,066,755	
20	Lợi nhuận gộp	1,835,433,144		(602,607,645)		5,054,036,340		876,508,822	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	16,748,212,093		21,576,689,097		22,535,081,858		47,016,262,056	
22	Chi phí tài chính	-		-		-		-	
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-		-		-		-	
24	Chi phí bán hàng	248,397,117		10,545,000		252,545,117		22,480,000	
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,897,677,821		2,112,665,076		3,307,592,957		3,620,771,008	
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16,437,570,299		18,850,871,376		24,028,980,124		44,249,519,870	
31	Thu nhập khác	164,735,458		7,622,307,695		542,408,647		7,803,613,702	
32	Chi phí khác	353,279,316		120,204,281		628,270,419		487,100,249	
40	Lợi nhuận khác	(188,543,858)		7,502,103,414		(85,861,772)		7,316,513,453	
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,249,026,441		26,352,974,790		23,943,118,352		51,566,033,323	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	498,725,338		1,654,234,893		1,298,104,476		2,123,961,822	
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	600,000		3,900,000		13,600,000		6,300,000	
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15,749,701,103		24,694,839,897		22,631,413,876		49,435,771,501	
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	818		1,289,839,897		1,176		1,698	
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	818		1,289,839,897		1,176		1,698	



TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 14 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 03 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		23,943,118,352	51,566,033,323
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3,666,582,883	3,562,643,090
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(68,000,000)	(31,500,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,488,174,131)	(54,331,427,576)
Chi phí lãi vay	06			
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		5,053,527,104	765,748,837
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		748,193,317	(9,428,993,727)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		6,855,993,544	16,787,460,100
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		1,959,277,704	49,658,758
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(6,816,548,830)	(2,774,273,611)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(513,379,770)	(140,267,794)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3,502,588,352)	(3,357,774,677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3,784,474,717	1,901,557,886
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(10,384,096,287)	(3,047,879,837)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		(46,907,727)	11,200,828,170
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13,000,000,000)	(116,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	90,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23,711,926,303	47,771,720,389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		280,922,289	29,924,668,722
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(87,708,750)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87,708,750)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		3,977,688,256	31,826,226,608
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		22,514,405,476	1,256,588,609
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		26,492,093,732	33,082,815,217


TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/Người lập bảng

**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 14 tháng 07 năm 2021 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Cao su Phong Phú – Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất – Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

10042
G TY
H AN
SU
NH
RI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm		Đầu năm
- Tiền mặt	176.207.429		175.435.808
- Tiền gửi ngân hàng	6.315.886.303		14.338.969.668
- Các khoản tương đương tiền			
Tổng cộng:	6.492.093.732		14.514.405.476

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	98.391.318		98.391.318
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	13.329.410		13.329.410
Tại quỹ NTCS Phong Phú	477.540		477.540
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	63.026.800		63.026.800
Tại quỹ Đội NN ƯDCNC Thống Nhất	788.761		788.761
Tại quỹ Đội NN ƯDCNC Thống Nhất - Kyzuna	193.600		193.600
Tổng cộng:	176.207.429	-	176.207.429

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	5.078.716.546		5.078.716.546
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	60.236.276		60.236.276
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	234.689		234.689
BIVDBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2.639.462		2.639.462
Sacombank - CN huyện Châu Đức	1.146.904.326		1.146.904.326
Agribank - CN huyện Châu Đức	25.950.100		25.950.100
KienLongbank - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	1.204.904		1.204.904
Tổng cộng:	6.315.886.303	-	6.315.886.303

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	20.000.000.000		8.000.000.000
Tổng cộng:	20.000.000.000		8.000.000.000

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	190.000.000.000	190.000.000.000		147.000.000.000	147.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	190.000.000.000	190.000.000.000		147.000.000.000	147.000.000.000	
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn	500.000.000	500.000.000		30.500.000.000	30.500.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn				30.000.000.000	30.000.000.000	
- Trái phiếu	500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000	
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng cộng (b1+b2)	190.500.000.000	190.500.000.000		177.500.000.000	177.500.000.000	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.330.139.105	4.629.235.675	6.707.874.263	4.697.235.675
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000
Công ty TNHH Thành Lợi			262.711.166	
Ông Nguyễn Văn Lưu (Hợp tác trồng Mỹ)			530.515.000	
Tiền phải thu từ khách hàng khác	2.183.000			
Công ty TNHH SX TMDV XNK Minh Quyền	66.600			
Công ty TNHH MTV SX Khánh Trường Thịnh	616.315.330			

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH IQUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Ông Võ Đình Vũ	54.216.000			
Cty TNHH TM DV Chăn nuôi Nông nghiệp Việt - Úc	12.122.500			
Công ty TNHH SX TM Cao su Gia Long	16.000.000			
Ông Đỗ Hữu Trữ (Bán Chuối XK Hàn Quốc)			73.352.500	
Công ty TNHH MTV TM DV Đầu Tư Phước Huy			593.787.060	
Công ty TNHH MINASU			550.272.862	
Các khách hàng là Đại lý bán cám	530.055.675	530.055.675	598.055.675	598.055.675
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	5.330.139.105	4.629.235.675	6.707.874.263	4.697.235.675

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.056.198.201	4.901.245.600
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Cty TNHH TM DV May Mặc Hữu Tiến	120.000.000	686.250.000
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	1.181.250.000	82.500.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	335.250.000
Cơ Khí Thanh Hào	670.500.000	20.000.000
Cửa hàng Nông Ngư Cơ Trần Dư (Mua Máy Cây)		50.000.000
Công ty TNHH Bảo Minh Anh	48.500.000	3.269.975.600
Công ty CP Công nghiệp Nông nghiệp Xanh	1.480.765.958	91.770.000
Công ty CP Công nghệ sinh học cây giống VN	-	25.500.000
Công ty TNHH Quyết Tiến	77.000.000	-
Trả tiền gai quýt cho Ông Nguyễn Phú Tùng	60.000.000	-
Trung tâm chứng nhận phù hợp (lớp học Vetgar)	10.500.000	-
Cửa hàng Nguyễn Văn Châu	47.250.000	-
Hoàng Thị Thu Lý	169.440.000	-
Công ty TNHH SX TM DV XNK Minh Quyền	144.400.000	-
Công ty CP Công nghiệp Lạnh Hưng Trí	660.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị công nghệ E&T	671.161.043	-
Cty TNHH MTV SXTM DV XNK Cánh Đồng Xanh	292.931.200	-
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	6.056.198.201	4.901.245.600

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

a) Ngắn hạn	6.122.859.854	317.820.000	7.084.482.458	317.820.000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	383.517.024		136.767.269	
Phải thu thuế TNCN người lao động	16.882.290		153.681.299	
Lãi tiền gửi phải thu	5.286.369.445		6.463.213.890	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	81.000.000		8.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác (Kinh phí công đoàn)	32.271.095		-	-
Phải thu về cổ phần hóa	-		-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	6.122.859.854	317.820.000	7.084.482.458	317.820.000

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.947.055.675	5.015.055.675
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.417.000.000	4.417.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000	53.000.000
Lê Ngọc Tùng	21.364.340	24.364.340
Dương Minh Chiến	35.379.160	35.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000	58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000	10.450.000
Phạm Ngọc Dũng	7.866.740	7.866.740
Dương Văn Lợi	20.000.000	85.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	4.947.055.675	5.015.055.675

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.711.400.996		4.230.096.900	
- Công cụ, dụng cụ	1.207.745.879		771.748.607	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.275.292.368		8.047.363.287	-
- Thành phẩm	7.861.103.161		11.862.327.154	
- Hàng hoá		-		-
Tổng cộng:	18.055.542.404	-	24.911.535.948	

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2				
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	55.130.719.812	-	50.563.989.751	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	5.077.225.217		4.899.600.429	
Chi phí dở dang B94 - Bà Mỹ	54.545.455			
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	43.984.803.708		42.715.552.329	
Vườn cây Mít			-	
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	79.039.178		76.659.178	
Chi phí mua sắm dở dang dự án Thống Nhất-Kyzuna	5.935.106.254		2.872.177.815	
Tổng cộng:	55.130.719.812	-	50.563.989.751	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Vườn cây Mít	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	44.378.886.323	23.418.810.689	7.080.742.080	757.850.894	62.318.033.301	1.379.935.656	139.334.258.943
- Mua trong năm	4.871.233.625	205.500.000					5.076.733.625
- Đầu tư XDCB hoàn thành							0
- Tặng khác							-
- Thanh lý, nhượng bán							0
- Giảm khác							-
Số dư cuối năm	49.250.119.948	23.624.310.689	7.080.742.080	757.850.894	62.318.033.301	1.379.935.656	144.410.992.568
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	37.671.293.442	18.839.889.147	4.295.291.426	722.715.667	14.248.718.086	129.368.968	75.907.276.736
- Khấu hao trong năm	505.238.606	378.672.675	162.987.155	2.151.136	785.710.453	43.122.989	1.877.883.014
- Tặng khác							-
- Thanh lý, nhượng bán							0
- Giảm khác							-
Số dư cuối năm	38.176.532.048	19.218.561.822	4.458.278.581	724.866.803	15.034.428.539	172.491.957	77.785.159.750
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	6.707.592.881	4.578.921.542	2.785.450.654	35.135.227	48.069.315.215	1.250.566.688	63.426.982.~37
- Tại ngày cuối năm	11.073.587.900	4.405.748.867	2.622.463.499	32.984.091	47.283.604.762	1.207.443.699	66.625.832.818

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				-
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	120.723.742	4.156.729.317	727.205.670	3.550.247.389
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	334.771.647	1.062.078.447	222.964.000	1.173.886.094
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	126.017.000	459.795.331	97.286.400	488.525.931
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	117.000.086	489.378.178	118.613.470	487.764.794
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	(457.064.991)	2.145.477.361	288.341.800	1.400.070.570
b. Chi phí trả trước dài hạn	4.025.065.081	1.976.958.272	385.217.833	5.616.805.520
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	4.025.065.081	1.976.958.272	385.217.833	5.616.805.520
Tổng cộng:	4.145.788.823	6.133.687.589	1.112.423.503	9.167.052.909

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	100.779.021	114.379.021
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100.779.021	114.379.021
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN		
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	100.779.021	114.379.021
Tổng cộng:	100.779.021	114.379.021

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.159.392.352	1.159.392.352	753.451.848	753.451.848
Nguyễn thị Thu Hồng	16.684.640	16.684.640	57.085.601	57.085.601
Bùi thị Tuyết Nhung	5.011.884	5.011.884	6.017.407	6.017.407
Công ty Cổ Phần SOP Phú Mỹ			160.600.000	160.600.000
Công ty TNHH MTV Kyzuna BRVT			192.760.114	192.760.114
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa	-	-	114.750.000	114.750.000
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	-	-	164.680.000	164.680.000
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	134.066.400	134.066.400		
Cty TNHH Hoa Anh Đào	339.000.000	339.000.000		
Công ty TNHH Cách nhiệt Hà Bắc	79.585.600	79.585.600		
Cty TNHH Phân bón Duy Thiên	462.000.000	462.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Cty TNHH TMDV Xây dựng Hòa Phát Đạt	102.505.007	102.505.007		
Phải trả tiền mua vật tư khác	2.837.000	2.837.000		-
Huỳnh thị Mỹ Dung	17.701.821	17.701.821	57.558.726	57.558.726
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Hộ Kinh Doanh Lê Trung Hòa	50.000.000	
Công ty TNHH Thương Mại & DV Ngọc Bửu	89.661.000	
Tổng cộng:	772.261.000	632.600.000

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	36.784.774	883.471.378	930.965.638	(10.709.486)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			-
Thuế Xuất nhập khẩu	-			-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(352.199.663)	1.386.768.995	513.379.770	521.189.562
Thuế thu nhập cá nhân (*)	19.081.977	49.909.285	138.218.924	(69.227.662)
Thuế tài nguyên	992.320	6.616.320	7.050.560	558.080
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.683.289.407	193.632.160	1.489.657.247
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		8.000.000	8.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Tổng cộng:	(295.340.592)			1.931.467.741
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	352.199.663			79.937.148
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	56.859.071			2.011.404.889

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	2.447.799.573	8.196.858.887
Tổng cộng:	2.447.799.573	8.196.858.887

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	122.290.000	149.410.000
Tiền ăn giữa ca		
- Đội cao su Phong Phú		12.405.000
- NTCS Hòa Bình	61.949.000	73.355.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Nhà máy CBM Bàu Non	10.341.000	10.035.000
- Đội NNUDCNC Thống Nhất		3.615.000
Chi phí kiểm toán BCTC	50.000.000	50.000.000
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng:	122.290.000	149.410.000

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.760.943.621	2.398.861.151
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Công ty TNHH PT Thái Dương	233.796.723	233.796.723
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	70.755.950	47.755.950
Công ty TNHH Bảo Minh Anh	37.550.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.234.919.218	1.322.627.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Bảo hiểm xã hội	334.103.354	
Các khoản phải nộp khác	304.181.224	249.043.358
b) Dài hạn	22.297.980.667	17.000.000.000
- Lãi vay		
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	9.769.031.548	9.000.000.000
Công ty TNHH Kizuna	12.528.949.119	8.000.000.000
Tổng cộng:	25.058.924.288	19.398.861.151

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
------------------------------	------------	------------

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
-------------------------------	------------	---------------	---------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Quỹ khen thưởng	7.275.518.150		2.164.900.000	5.110.618.150
Quỹ phúc lợi	2.854.288.671	43.450.000	1.381.138.352	1.516.600.319
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-			-
Tổng cộng:	10.129.806.821	43.450.000	3.546.038.352	6.627.218.469

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	38.062.804.106	326.036.815.760
- Lãi trong năm nay			54.898.084.826	54.898.084.826
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(6.636.870.000)	(6.636.870.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(153.900.000)	(153.900.000)
- Chia cổ tức			(28.875.000.000)	(28.875.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(574.560.000)	(574.560.000)
- Giảm khác			(1.822.474.106)	
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	54.898.084.826	344.694.570.586
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	95.474.011.654	56.720.558.932	344.694.570.586
- Lãi trong năm nay			22.631.413.876	22.631.413.876
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	95.474.011.654	79.351.972.808	367.325.984.462

	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000		98.175.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000		94.325.000.000
Cộng	192.500.000.000		192.500.000.000

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mủ cao su	5.880.000.000	12.060.134.192	15.764.466.000	18.395.298.692
Doanh thu mủ SVR thu mua chế biến	769.065.700		938.130.700	718.294.500
Doanh thu bán chuối xen canh	3.007.911.850	5.237.428.075	7.736.246.505	6.386.691.410
Doanh thu bán chuối hợp tác kinh doanh	809.827.400	150.546.300	886.601.880	4.109.648.800
Doanh thu bán mít	385.914.375		406.432.125	
Doanh thu khác	580.000.000		602.181.818	
Tổng cộng	11.432.719.325	17.448.108.567	26.334.059.028	29.609.933.402

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Tổng cộng	-	-	-	-
------------------	---	---	---	---

3. Giá vốn hàng bán:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	4.973.043.686	12.330.200.312	12.468.540.858	18.359.074.746
Giá vốn mũ thu mua chế biến	665.427.213		814.468.224	761.280.367
Giá vốn chuối xen canh	2.395.236.382	5.511.537.900	6.323.119.924	6.246.325.250
Giá vốn bán chuối hợp tác kinh doanh	864.712.000	208.978.000	927.127.000	3.467.386.392
Giá vốn bán mít	502.683.875		514.538.025	
Giá vốn khác	196.183.025		232.228.657	
Tổng cộng	9.597.286.181	18.050.716.212	21.280.022.688	28.834.066.755
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho				
Tổng cộng	9.597.286.181	18.050.716.212	21.280.022.688	28.834.066.755

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.928.730.187	3.441.689.097	5.826.518.445	6.513.262.056
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.819.481.906	18.135.000.000	16.708.563.413	40.503.000.000
Tổng cộng	16.748.212.093	21.576.689.097	22.535.081.858	47.016.262.056

5. Chi phí tài chính:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	-		
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng	-	-		

6. Chi phí bán hàng:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mũ cao su và bốc xếp, vật tư	248.397.117	10.545.000	252.545.117	22.480.000
Tổng cộng	248.397.117	10.545.000	252.545.117	22.480.000

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.161.638.429	937.097.653	2.217.346.578	1.870.263.547
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	110.115.140	192.374.978	218.318.159
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.334.582	9.747.000	19.730.302	17.640.485
Chi phí trợ cấp mất việc làm	269.984.200	581.537.150	277.844.200	615.562.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	1.598.368	3.000.000	5.598.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài .chi phí khác bằng tiền	356.533.121	511.569.765	665.296.899	956.388.299
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(3.000.000)	(19.500.000)	(68.000.000)	(31.500.000)
Tổng cộng	1.897.677.821	2.132.165.076	3.307.592.957	3.652.271.008
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý	-	19.500.000		31.500.000
Tổng cộng	1.897.677.821	2.112.665.076	3.307.592.957	3.620.771.008

8. Thu nhập khác	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định(Cây cao su gây đổ)	6.490.000	7.265.095.520	30.365.000	7.265.095.520
Thu từ bán tài sản cố định		50.070.000	-	50.070.000
Thu từ bán mũ bọt nhà máy	150.472.730		156.052.730	40.130.000
Thu từ bán chuối đạt		67.142.175	-	67.142.175
Thu khác	7.772.728	240.000.000	355.990.917	481.818.132
Giảm trừ thu nhập khác				
Tổng cộng	164.735.458	7.622.307.695	542.408.647	7.904.255.877

9. Chi phí khác	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý vườn cây cao su	77.272.727	159.241.830	77.272.727	366.895.968
Chi phí khấu hao tài sản	184.391.103		368.782.206	
Giá trị còn lại vườn cây thanh lý	-	3.951.336.927	-	3.951.336.927
Chi phí khác	91.615.486	120.204.281	182.215.486	120.204.281
Tổng cộng	353.279.316	4.230.783.038	628.270.419	4.438.437.176
(Giảm trừ giá trị còn lại vườn cây và chi phí thanh lý)		(4.110.578.757)		(3.951.336.927)
Tổng cộng	353.279.316	120.204.281	628.270.419	487.100.249

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.749.701.103	24.694.839.897	22.631.413.876	49.463.771.502
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	15.749.701.103	24.694.839.897	22.631.413.876	49.463.771.502
Cổ phiếu phổ thông đang lưu	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

hành bình quân trong năm				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	818	1.283	1.176	1.698

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.349.781.949	1.227.117.334	4.336.043.686	5.308.071.888
- Chi công cụ dụng cụ	1.039.108.633	1.124.257.035	1.377.443.007	1.587.484.401
- Chi phí nhân công	3.114.841.536	3.104.329.919	7.981.435.308	6.513.953.416
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.543.010.240	1.908.412.134	2.506.429.618	2.801.216.895
- Chi phí khác bằng tiền	3.231.654.418	5.517.291.225	7.496.702.273	9.060.856.429
Cộng	11.278.396.776	12.881.407.647	23.698.053.892	25.271.583.029

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, thực nhận trong kỳ.

Thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, thư ký HĐQT.	08			210.000.000	210.000.000
- Ban Giám đốc	03	540.000.000			540.000.000
Cộng		540.000.000		210.000.000	750.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1 Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

